

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠI TỪ
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2022/HS-ST
Ngày: 23/12/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kao Hoàng

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Nguyễn Văn Mười

2. Ông: Nguyễn Quang Hợp

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Mừng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện VKSND huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Như Hảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 12 năm 2022 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 144/2022/TLST-HS ngày 15/11/2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2022/QĐXXST - HS, ngày 09/12/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn Q, sinh ngày 09 tháng 3 năm 1996

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Giới tính: Nam; Tên gọi khác: không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày;
Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 3/12; Nghề nghiệp: Không

Con ông: Nguyễn Vi H (đã chết); Con bà: Hà Thị T, sinh năm 1973.

Vợ con: Chưa có.

Gia đình có 03 anh em. Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình

Tiền án: 02.

Tại bản án số 19/HSST ngày 26/7/2019 bị TAND huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 09 tháng tù về tội Hủy hoại tài sản. Chấp hành xong ngày 27/12/2019, bản án chưa được xóa án tích.

Tại bản án số 02/HSST ngày 06/01/2021 bị TAND huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong ngày 16/6/2022 bản án chưa được xóa án tích.

Tiền sự: không.

Nhân thân:

+ Tại quyết định số 1259/QĐ-UB ngày 20/9/2010 của UBND huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục.

+ Tại bản án số 45 ngày 23/9/2013 bị TAND huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội Trộm cắp tài sản.

+ Ngày 21/9/2022 bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn khởi tố về tội Trộm cắp tài sản

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/7/2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt tại phiên tòa)

***. Bị hại:**

Anh: Nguyễn Duy H1, sinh năm: 2003 (có đơn xin xử vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm B, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

***. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Anh: Nguyễn Đình V, sinh năm: 1982 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm B, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Anh: Hoàng Văn C, sinh năm: 1972 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 2A, TT B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

***. Người làm chứng:**

Chị: Nguyễn Thị M, sinh năm: 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm B, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Q (hiện đang có 02 tiền án về tội chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích) chấp hành xong án phạt tù tại trại giam V, tỉnh Vĩnh Phúc. Khi vừa ra ngoài trại giam Q gặp anh Nguyễn Đình V (sinh năm 1982, trú tại xóm B, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, là bạn tù trước đây cùng đi chấp hành án với Q tại Trại giam Phú Sơn 4, Cục C10, Bộ Công an) cũng đi thăm người thân đang chấp hành án tại trại giam Vĩnh Quang nên anh V đã mời Q về nhà mình chơi, Q đồng ý và ở nhà anh V từ ngày 16/6/2022 đến ngày 19/6/2022. Do vừa ra tù không có tiền tiêu xài nên trong khoảng thời gian ở nhà anh V, Q đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, BKS 20F1 - 673.83 của anh Nguyễn Duy H1 (sinh năm 2003 là con trai anh V) đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản chiếc xe mô tô của anh H1. Tối ngày 19/6/2022, sau khi ăn cơm xong Q đưa ra thông tin không đúng sự thật và lấy lý do cần về nhà tại xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn để trình diện sau khi ra trại với Công an xã Y và làm căn cước công dân Q hỏi mượn anh H chiếc xe mô tô BKS: 20F1-673.83 và hẹn đến chiều ngày 20/6/2022 sẽ mang xe trả lại cho anh H1. Do không biết được mục đích của Q nên anh H đã tin tưởng Q nói

thật và cho Q mượn xe mô tô. Anh H1 đưa chìa khóa xe cùng 01 chứng nhận đăng ký xe, 01 bảo hiểm xe mô tô BKS: 20F1 - 673.83 cho Q mượn. Sau khi chiếm đoạt được xe, Q điều khiển xe mô tô về nhà tại thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, đến sáng ngày 20/6/2022, Q đến Công an xã Y trình diện về việc Q vừa chấp hành xong án phạt tù. Sau đó Q điều khiển xe mô tô đến cửa hàng mua bán xe máy “H C” do anh Hoàng Văn C (sinh năm 1972) làm chủ tại tổ 2A, thị trấn B, huyện C, tỉnh B bán chiếc xe mô tô BKS: 20F1 - 673.83 cho anh C được 8.000.000 đồng. Khi giao dịch, Q nói với anh C là xe của Q cần tiền muốn bán và viết giấy tờ mua bán xe, giao giấy tờ xe mang tên Nguyễn Duy H1 cho anh C. Số tiền bán xe Q đã tiêu xài hết và bỏ trốn khỏi địa phương.

Về phía gia đình anh H1, đến tối ngày 20/6/2022 và các ngày tiếp theo không thấy Q đem xe mô tô đến trả, gia đình H1 đã nhiều lần gọi điện thoại cho Q nhưng không liên lạc được. Xác định đã bị Q lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe nên ngày 27/6/2022, anh V (là bố đẻ của anh H1) đã đến Công an xã L, huyện Đ trình báo về sự việc bị lừa đảo chiếm đoạt tài sản như trên. Công an xã L đã lập hồ sơ ban đầu và chuyển đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Đại Từ giải quyết theo thẩm quyền.

Căn cứ vào tài liệu điều tra, hồi 14 giờ 40 phút ngày 15/7/2022 Cơ quan CSĐT Công an huyện Đại Từ đã thu giữ tại cửa hàng mua bán xe máy của anh Hoàng Văn C 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade BKS 20F1 - 673.83 là vật chứng của vụ án.

Tại Kết luận định giá tài sản số 35/KL - HDĐGTS ngày 25/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đại Từ kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade màu sơn đen xám BKS: 20F1 - 673.83 có giá 17.000.000đ.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Văn Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên. Lời khai nhận tội của Q phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án như Đơn trình báo, biên bản sự việc, lời khai của bị hại, lời khai người làm chứng, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại là anh Nguyễn Duy H1 đã nhận lại tài sản của mình và không có yêu cầu gì về phần dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan đến vụ án là anh Hoàng Văn C yêu cầu Q phải bồi thường cho anh C số tiền 8.000.000 đồng.

Vật chứng gồm: Chiếc xe mô tô cùng giấy tờ xe Q chiếm đoạt của H. Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh H quản lý và sử dụng; 01 phong bì niêm phong H bên trong là chiếc điện thoại Iphone 6; 01 chứng chỉ sơ cấp Hàn mang tên Nguyễn Văn Q. Hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 148/CT-VKSĐT ngày 15/11/2022 của Viện kiểm sát nhân huyện Đại Từ đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 174 BLHS 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ giữ nguyên cáo trạng, đã luận tội đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 174 BLHS, điểm s khoản 1 Điều 51 Điều 38 Điều 47 Điều 48 BLHS năm 2015. Các Điều 584, 585, 586 và Điều 589 Điều 357 Điều 468 BLDS 2015

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 36 đến 42 tháng tù về tội “ *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Về phạt bổ sung: Miễn phạt bổ sung cho bị cáo Q

Về dân sự: Bị hại là anh Nguyễn Duy H1 đã nhận lại tài sản của mình và không có yêu cầu gì về phần dân sự lên không xem xét. Người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan đến vụ án là anh Hoàng Văn C yêu cầu Q phải bồi thường cho anh C số tiền 8.000.000 đồng lên buộc bị cáo bồi thường cho anh C số tiền 8.000.000đ

Về vật chứng:

- Tạm giữ: 01 phong bì niêm phong H bên trong là chiếc điện thoại Iphone 6 của bị cáo Q để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Q 01 chứng chỉ sơ cấp Hàn mang tên Nguyễn Văn Q quản lý sử dụng.

Án phí: Buộc bị cáo Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước.

Trong phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận, thừa nhận việc truy tố, xét xử là đúng người đúng tội, không oan.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Đại Từ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[2]. Về căn cứ buộc tội:

Tại phiên tòa bị cáo Q đã khai báo: Tối ngày 19/6/2022 tại gia đình anh Nguyễn Duy H1 thuộc xóm B, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Nguyễn Văn Q đang có tiền án về tội Hủy hoại tài sản và Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích, không có việc làm ổn định nên đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối Lừa đảo chiếm đoạt của anh H1 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS 20F1 673.83 trị giá 17.000.000 đồng mang bán được 8.000.000 đồng chi tiêu cá nhân. Cơ quan điều tra đã thu hồi lại tài sản trả cho anh H1 quản lý và sử dụng.

Hành vi của bị cáo Q đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 174 của BLHS năm 2015.

Nội dung các điều luật quy định như sau:

Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm

...

d, Tái phạm nguy hiểm

[3]. Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà cụ thể trong vụ án này là anh Nguyễn Duy H1. Hành vi đó còn làm mất trật tự trị an xã hội nên cần phải đưa ra xử lý bằng pháp luật hình sự nhằm cải tạo giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4]. Xét tình tiết giảm nhẹ TNHS thì thấy: Bị cáo Q được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là “*Người phạm tội hành khẩn khai báo*” được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Q không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS nào quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS.

[5]. Xét nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo không có tiền sự nhưng bị cáo có 2 tiền án chưa được xóa án tích và có nhân thân rất xấu, hiện nay đang bị Công an huyện C, tỉnh Bắc Kạn khởi tố về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo không lấy đó làm bài học tu dưỡng rèn luyện bản thân, trở thành công dân có ích mà bị cáo cố ý lao vào con đường phạm tội nhằm lấy tiền tiêu sài, thỏa mãn nhu cầu của bản thân, đây là tình tiết cần xem xét khi lượng hình.

[6]. Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo Q mức án từ 36 tháng đến 42 tháng tù và buộc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian có như vậy mới đủ để cải tạo và giáo dục bị cáo trở thành công dân

có ích cho xã hội đồng thời mang tính phòng ngừa chung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có tài sản riêng, không có công ăn việc làm ổn định nên không phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

[7]. Về dân sự: Bị hại là anh Nguyễn Duy H1 đã nhận lại tài sản của mình và không có yêu cầu gì về phần dân sự lên không xem xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Hoàng Văn C yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn Q bồi thường anh số tiền 8.000.000đ, xét yêu cầu của anh C là có căn cứ, tại phiên tòa bị cáo Q nhất trí bồi thường cho anh Hoàng Văn C nên cần buộc bị cáo bồi thường cho anh Hoàng Văn C số tiền 8.000.000đ là phù hợp.

[8]. Về vật chứng:

- Tạm giữ: 01 phong bì niêm phong H bên trong là chiếc điện thoại Iphone 6 của bị cáo Q để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Q 01 chứng chỉ sơ cấp Hàn mang tên Nguyễn Văn Q quản lý sử dụng.

[9]. Liên quan đến vụ án còn có anh Hoàng Văn C là người có hành vi giao dịch mua của Q chiếc xe mô tô. Tuy nhiên khi giao dịch mua bán anh C không biết đó là tài sản do Q phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với anh C.

Ngoài ra, quá trình điều tra xác định Q cùng với Chu Quang H2, (sinh năm 1992, trú tại thôn N xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn) và 01 người tên N nhà ở xã C, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (là người quen của H2) có hành vi trộm cắp 01 Chiếc xe mô tô Honda Future 125 màu nâu-vàng-đồng, BKS: 97B1-645.25 vào trưa ngày 29/7/2022 tại huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Ngày 20/7/2022 Q và H2 trộm cắp một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade trộm cắp được tại huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Hai chiếc xe trên Cơ quan CSĐT Công an huyện Đại Từ tạm giữ

Căn cứ vào các tài liệu điều tra ngày 30 và ngày 31/7/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đại Từ đã tiến hành bàn giao tài liệu, vật chứng liên quan cho Cơ quan CSĐT Công an huyện C và Cơ quan CSĐT Công an huyện C, tỉnh Bắc Kạn để tiếp tục điều tra, xác minh theo thẩm quyền. Hiện nay Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã khởi tố, đề nghị truy tố đối với Q về tội Trộm cắp tài sản.

[10]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định nộp ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự;

1. Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 174 BLHS 2015 điểm s khoản 1 Điều 51 Điều 38 Điều 47 BLHS năm 2015. Các Điều 584, 585, 586, 589 và Điều 357 Điều 468 của bộ luật Dân sự. Điều 106 Điều 136 và Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 31/7/2022.

2. Về phạt bổ sung: Miễn phạt bổ sung (phạt tiền) cho bị cáo Q.

3. Quyết định tạm giam bị cáo Q 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

4. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Nguyễn Duy H1 đã nhận lại tài sản của mình và không có yêu cầu gì về phần dân sự lên không xem xét.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Q bồi thường cho anh Hoàng Văn C số tiền 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về vật chứng:

- Tạm giữ: 01 phong bì niêm phong H bên trong là chiếc điện thoại Iphone 6 của bị cáo Q để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Q 01 chứng chỉ sơ cấp Hàn mang tên Nguyễn Văn Q quản lý sử dụng.

(Tình trạng, đặc điểm của vật chứng như trong mô tả tại quyết định chuyển vật chứng số 86/QĐ-VKSĐT ngày 16/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ).

6. Về án phí: Buộc bị cáo Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an huyện Đại Từ;
- VKSND huyện Đại Từ ;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS Đại Từ;
- Thi hành án hình sự;
- Bị cáo, bị hại, người cóQLNVLQ;
- Thông báo UBND xã Y;
- Lưu HS, lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Kao Hoàng